

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1784/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn đối với học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

###### **2.1. Đối tượng học sinh, học viên bao gồm:**

- Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông;
- Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;

c) Học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

2.2. Đối tượng cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú;

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú.

2.3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**

1. Đối với học sinh tiểu học, nhà ở xa trường khoảng cách từ 04 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường khoảng cách từ 03 km trở lên.

2. Đối với học sinh trung học cơ sở, nhà ở xa trường khoảng cách từ 07 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường khoảng cách từ 05 km trở lên.

3. Đối với học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông nhà ở xa trường khoảng cách từ 10 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường khoảng cách từ 06 km trở lên.

## **Điều 3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú**

1. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm.

*(Có danh mục tại Phụ lục kèm theo)*

2. Việc mua sắm đồ dùng cá nhân, học phẩm trang cấp cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025. Các quy định tại các Điều 1, 2, 3 của Quyết định này được thực hiện từ ngày 01/01/2025.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Linh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC TRANG CẤP ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN VÀ HỌC PHẨM**  
**CHO HỌC SINH DÂN TỘC NỘI TRÚ**  
*(Kèm theo Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Chăn màn và đồ dùng cá nhân được cấp một lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP như sau:**

Số TT	Tên hiện vật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chăn mùa đông	Cái	01
2	Màn	Cái	01
3	Chiếu	Cái	01
4	Gối	Cái	01
5	Ô che nắng, mưa	Cái	01

**2. Quần, áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP như sau:**

Số TT	Tên học phẩm	Đơn vị tính	Số lượng được cấp phát
1	Quần áo đồng phục		
-	Quần dài	Chiếc	02
-	Áo đồng phục mùa đông	Chiếc	01
-	Áo đồng phục mùa hè	Chiếc	01
2	Vở viết	Quyển	10
3	Ba lô đựng sách vở	Cái	01
4	Bút bi	Cái	10
5	Bút chì	Cái	01
6	Tẩy chì	Cái	01
7	Compa	Cái	01
8	Thước kẻ	Cái	01
9	Thước đo độ	Cái	01